

## **Phụ lục số 01: Tổng hợp các chương trình, kế hoạch, đề án về quyền trẻ em, phòng chống xâm hại trẻ em trên địa bàn thành phố**

### **1. UBND thành phố ban hành**

- Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 22/3/2019 về việc thực hiện Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng, giai đoạn 2018 - 2025 trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

- Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 28/10/2019 về việc thực hiện Đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng, giai đoạn 2019 - 2025 trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

- Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 06/4/2020 kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2020 - 2025;

- Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 08/7/2020 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

- Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 về việc ban hành Chương trình hành động vì trẻ em thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021 - 2030;

- Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 26/5/2021 về thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rời nhiều tâm trí dựa vào cộng đồng trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021 - 2030;

- Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 31/5/2021 về triển khai thực hiện Quyết định số 1472/QĐ-TTg ngày 28/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội khóa XIV về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em;

- Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 05/7/2021 về thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của nhà nước giai đoạn 2021 - 2015, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

- Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 09/9/2021 thực hiện Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

### **2. Công an thành phố ban hành**

- Kế hoạch số 58/KH-CATP-PC02 ngày 01/3/2021 của Công an thành phố về thực hiện Quyết định số 1472/QĐ-TTg ngày 28/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban

hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em, công tác phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật liên quan đến người dưới 18 tuổi trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 93/KH-CATP-PC02 ngày 25/3/2021 của Công an thành phố về phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến người dưới 18 tuổi năm 2021 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Kế hoạch số 166/KH-CATP-PC02 ngày 12/5/2021 của Công an thành phố triển khai thực hiện Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030.

- Kế hoạch số 158/KH-CATP-PC02 ngày 25/4/2022 của Công an thành phố Cần Thơ về thực hiện Chương trình về phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới đến năm 2025 và Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến 2030 trong lực Công an nhân dân.

- Chương trình số 59/CTr-BCĐ ngày 15/02/2023 của Ban chỉ đạo KH506 Công an thành phố Cần Thơ về “Phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến người dưới 18 tuổi trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2023”.

- Kế hoạch số 179/KH-CATP-PC02 ngày 12/5/2022 và Kế hoạch số 122/KH-CATP-PCSHS ngày 07/6/2022 của Công an thành phố Cần Thơ về “Đấu tranh, phòng ngừa ngăn chặn tội phạm xâm hại trẻ em trên không gian mạng trên địa bàn thành phố Cần Thơ”.

### **3. Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành**

- Kế hoạch số 2799/KH-SGDĐT ngày 27 tháng 10 năm 2018 triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường quản lý, giáo dục chính trị, tư tưởng đối với học sinh, sinh viên trên môi trường mạng đến năm 2025”;

- Kế hoạch số 3318/KH-SGDĐT ngày 21 tháng 12 năm 2018 triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học” giai đoạn 2018-2025;

- Kế hoạch số 1057/KH-SGDĐT ngày 27 tháng 4 năm 2020 phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em trong các cơ sở giáo dục giai đoạn 2020-2025;

- Kế hoạch số 3373/KH-SGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2020 triển khai thực hiện Công ước ASEAN về phòng, chống tội phạm buôn bán người, tội phạm giết người và phòng, chống tội phạm ma túy, HIV/AIDS, tệ nạn xã hội trong ngành Giáo dục giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 1071/KH-SGDĐT ngày 22 tháng 4 năm 2021 triển khai Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng” giai đoạn 2021-2030;

- Kế hoạch số 2437/KH-SGDĐT ngày 09 tháng 9 năm 2021 thực hiện Chương trình phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội của ngành giáo dục thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 2474/KH-SGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2021 thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 2475/KH-SGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2021 thực hiện Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2030;

- Kế hoạch số 1937/KH-SGDĐT ngày 13 tháng 7 năm 2022 triển khai Chương trình Giáo dục sức khỏe tâm thần cho trẻ em, học sinh giai đoạn 2022-2025 của ngành Giáo dục;

- Chương trình phối hợp số 3169/CTr-SGDĐT-SYT ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Y tế về công tác y tế trường học, chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh giai đoạn 2022-2026;

- Công văn số 51/SGDĐT-CTTT ngày 09 tháng 01 năm 2023 triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 tại thành phố Cần Thơ;

- Kế hoạch số 93/KH-SGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2023 triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 135/KH-SGDĐT ngày 17 tháng 01 năm 2023 thực hiện Chương trình y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

h

#### **4. Quận Ninh Kiều ban hành**

- Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 04/5/2021 của UBND quận Ninh Kiều thực hiện chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới của quận Ninh Kiều giai đoạn 2021 – 2025.

- Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 28/5/2021 của UBND quận Ninh Kiều thực hiện chương trình trợ giúp người khuyết tật quận Ninh Kiều giai đoạn 2021 – 2030.

- Quyết định số 4067/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của UBND quận Ninh Kiều Quyết định ban hành Chương trình hành động vì trẻ em quận Ninh Kiều giai đoạn 2021 – 2030.

- Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 02/3/2022 của UBND quận Ninh Kiều triển khai thực hiện chương trình bơi an toàn phòng, chống đuối nước trẻ em giai đoạn 2022 – 2030 trên địa bàn quận Ninh Kiều.

#### **5. Phường Cái Khế ban hành**

- Kế hoạch số 1126/KH-UBND ngày 17/10/2019 của UBND phường về thực hiện Đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng, giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn phường Cái Khế.

- Kế hoạch số 436/KH-UBND ngày 17/4/2020 của UBND phường về hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn phường Cái Khế giai đoạn năm 2020-2025.

- Kế hoạch số 580/KH-UBND ngày 28/5/2021 của UBND phường về việc thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 18/7/2021 của UBND phường về việc ban hành Chương trình hành động vì Trẻ em phường Cái Khế giai đoạn 2021-2030.

- Kế hoạch số 852/KH-UBND ngày 20/7/2021 của Ủy ban nhân dân phường về thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn phường Cái Khế.

- Kế hoạch số 826/KH-UBND ngày 21/7/2021 của Ủy ban nhân dân phường về việc triển khai thực hiện Chương trình bơi an toàn phòng, chống đuối nước trẻ em giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn phường Cái Khế.

## **6. Phường An Bình ban hành**

- Kế hoạch số 1031/KH-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 về Thực hiện Đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng, giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn phường An Bình.

- Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2021 về ban hành Chương trình hành động vì trẻ em, giai đoạn 2021-2030.

- Kế hoạch số 716/KH-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2021 về Thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng trên địa bàn phường, giai đoạn 2021-2030.

- Kế hoạch số 883/KH-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2021 về Thực hiện Chương trình phòng, ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định pháp luật giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn phường.

- Kế hoạch số 1057/KH-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 về Thực hiện Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em, giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn phường.

**Phụ lục 02: Danh sách đối tượng xác định sai thời điểm hưởng dẫn tới đối tượng hưởng thừa trợ cấp xã hội theo quy định tại quận Ninh Kiều**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng hưởng	Mức trợ cấp (đồng)	Thời gian được hưởng theo quy định	Thời gian thực tế hưởng	Số tháng hưởng thừa	Số tiền hưởng thừa (đồng)
1	Đoàn Phạm Minh Thư	23/4/2010	Khu vực 7, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều	Trẻ mồ côi	540.000	Tháng 10/2022 (Quyết định số 5708/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	Tháng 9/2022	01	540.000
2	Đoàn Phạm Minh Trúc	04/10/2015	Khu vực 7, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều	Trẻ mồ côi	540.000	Tháng 10/2022 (Quyết định số 5707/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	Tháng 9/2022	01	540.000
3	Đoàn Phạm Minh Thy	20/02/2014	Khu vực 7, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều	Trẻ mồ côi	540.000	Tháng 10/2022 (Quyết định số 5710/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	Tháng 9/2022	01	540.000
	<b>Tổng cộng</b>								<b>1.620.000</b>

A

**Phụ lục 03: Danh sách đối tượng xác định sai thời điểm hưởng dẫn tới đối tượng hưởng thiếu trợ cấp xã hội theo quy định tại quận Ninh Kiều**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng hưởng	Mức trợ cấp (đồng)	Thời gian được hưởng theo quy định	Thời gian thực tế hưởng	Số tháng hưởng thiếu	Số tiền hưởng thiếu (đồng)
1	Trần Trí Tài	24/7/2008	Khu vực 8, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều	Trẻ mồ côi	540.000	Tháng 5/2022 (Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 30/5/2022	Tháng 06/2022	01	540.000
2	Trần Lý Anh Thư	20/6/2009	Khu vực 8, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều	Trẻ mồ côi	540.000	Tháng 5/2022 (Quyết định số 3393/QĐ-UBND ngày 30/5/2022	Tháng 06/2022	01	540.000
3	Nguyễn Huỳnh Gia Bảo	13/8/2006	Khu vực 6, phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều	Người KTN là TE	540.000	Tháng 6/2021 (Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	Tháng 7/2021	01	540.000
4	Mai Minh Duy	10/10/2006	Khu vực 3, phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều	Người KTN là TE	540.000	Tháng 6/2021 (Quyết định số 3989/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	Tháng 7/2021	01	540.000
5	Trần Minh Ngọc	18/12/2008	Khu vực 4, phường An Phú, Quận Ninh Kiều	Người KTN là TE	540.000	Tháng 6/2021 (Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	Tháng 7/2021	01	540.000
	<b>Tổng cộng</b>								<b>2.700.000</b>

*k*

**Phụ lục số 04: Danh sách đối tượng chưa điều chỉnh từ người khuyết tật là trẻ em sang người khuyết tật không phải là trẻ em tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ dẫn tới đối tượng hưởng thừa trợ cấp theo quy định phải thu hồi**

- Đối với người khuyết tật nặng là trẻ em hệ số hưởng trước điều chỉnh 2,0; hệ số hưởng sau điều chỉnh 1,5; chênh lệch hệ số trước và sau điều chỉnh 0,5.

- Đối với người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em hệ số hưởng trước điều chỉnh 2,5; hệ số hưởng sau điều chỉnh 2,0; chênh lệch hệ số trước và sau điều chỉnh 0,5.

- Từ tháng 7/2021 đến tháng 12/2022 mức chuẩn trợ cấp xã hội tại thành phố Cần Thơ là 360.000 đồng (theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP), mức chênh lệch trước và sau điều chỉnh của 01 tháng là 0,5 x 360.000 đồng = 180.000 đồng.

- Từ tháng 01/2023 đến tháng 04/2023 mức chuẩn trợ cấp xã hội tại thành phố Cần Thơ là 400.000 đồng (theo quy định tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố), mức chênh lệch trước và sau điều chỉnh của 01 tháng là 0,5 x 400.000 đồng = 200.000 đồng.

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Địa chỉ	Thời điểm phải điều chỉnh	Số tháng và mức chênh lệch phải điều chỉnh	Số tiền phải điều chỉnh (đồng)
<b>I. Danh sách trẻ em khuyết tật nặng chưa điều chỉnh sang người khuyết tật nặng</b>						
1	Nguyễn Phương Anh Minh	17/10/2006	phường Tân An	Tháng 11/2022	02 tháng x 180.000 đồng 04 tháng x 200.000 đồng	1.160.000
2	Nguyễn Thanh Lộc	16/01/2007	phường Tân An	Tháng 02/2023	03 tháng x 200.000 đồng	600.000
3	Phan Minh Tiến	01/2/2007	phường An Bình	Tháng 3/2023	02 tháng x 200.000 đồng	400.000
4	Võ Ngọc Phương	23/01/2007	phường An Bình	Tháng	03 tháng x 200.000 đồng	600.000



	Linh				02/2023			
5	Huỳnh Phước	Minh	2007	phường Thới Bình	Tháng 02/2023	03 tháng x 200.000 đồng		600.000
6	Nguyễn Thiên Cát	Huỳnh	17/12/2006	phường Hưng Lợi	Tháng 01/2023	04 tháng x 200.000 đồng		800.000
7	Nguyễn Bảo	Huỳnh Gia	13/8/2006	phường Hưng Lợi	Tháng 9/2022	04 tháng x 180.000 đồng 04 tháng x 200.000 đồng		1.520.000
8	Nguyễn Mãng Phúc	Trương	11/11/2006	phường Khánh	Tháng 12/2022	01 tháng x 180.000 đồng 04 tháng x 200.000 đồng		980.000
9	Trần Thảo Sương		15/3/2007	phường Khánh	Tháng 4/2023	01 tháng x 200.000 đồng		200.000
10	Trương Tú Anh		11/9/2006	phường Khánh	Tháng 10/2022	03 tháng x 180.000 đồng 04 tháng x 200.000 đồng		1.340.000
11	Mai Hiếu Khang		24/01/2007	phường Khánh	Tháng 02/2023	03 tháng x 200.000 đồng		600.000
<b>II. Danh sách trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng chưa điều chỉnh sang người khuyết tật đặc biệt nặng</b>								
1	Mai Hoàng Phúc		17/4/2006	phường An Bình	Tháng 5/2022	08 tháng x 180.000 đồng 04 tháng x 200.000 đồng		2.240.000
<b>Tổng số tiền phải thu hồi</b>								<b>9.834.000</b>

*h*

**Phụ lục số 05: Danh sách trẻ em mồ côi tại quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ  
có người chăm sóc, nuôi dưỡng chưa được hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định**

STT	Họ và tên	Năm sinh		Địa chỉ
		Nam	Nữ	
1	Võ Thành Trung	14/5/2007		12/1 Khu vực 1, phường An Bình
2	Nguyễn Thị Ngọc Ngân		16/04/2007	208B/6 KV2, phường An Bình
3	Phạm Thị Thủy An		20/02/2013	129/4 KV1, phường An Bình
4	Đoàn Đình Khánh Vy		08/05/2010	162/14 Nguyễn Việt Hồng, Khu vực 3, phường An Phú
5	Phan Hoàng Anh	03/05/2016		77/11 Trần Phú, Khu vực 8, phường Cái Khế
6	Nguyễn Thị Phương Uyên		2011	2/8/5 đường 3/2, Khu vực 6, phường Cái Khế
7	Đoàn Phạm Minh Thư		23/04/2010	4/57 Cách Mạng Tháng 8, Khu vực 7, phường Cái Khế
8	Nguyễn Quốc Bảo	2009		21/1 lộ 91B, Khu vực 5, phường Cái Khế
9	Chung Dương Ngọc Châu		17/09/2009	12/13/11 đường 3/2, Khu vực 6, phường Cái Khế
10	Đặng Phan Hoàng Anh	24/09/2015		118/20/2 đường 30/4, Khu vực 3, phường Hưng Lợi
11	Võ Ngọc Yên Thy		17/08/2017	38/27/17 Nguyễn Trãi, Khu vực 10, phường Tân An
12	Võ Ngọc Yên Vy		27/05/2013	38/27/17 Nguyễn Trãi, Khu vực 10, phường Tân An
13	Nguyễn Văn Trăn	17/05/2010		109/3 Hai Bà Trưng, Khu vực 3, phường Tân An
14	Phan Thị Như Ý		16/02/2009	18/35/19 Nguyễn Trãi, Khu vực 10, phường Tân An
15	Đàm Phùng Gia Huy	2008		56/1/22 Hai Bà Trưng, Khu vực 3, phường Tân An
16	Nguyễn Ngọc Minh Ti		2008	109/3 Hai Bà Trưng, Khu vực 3, phường Tân An
17	Đỗ Hoàng Duy Khang	16/02/2014		67/19B Hùng Vương, Khu vực 1, phường Thới Bình
18	Trần Lý Anh Thư		20/06/2009	C51/1B1 đường 30/4, Khu vực 8, phường Xuân Khánh
19	Trần Chí Tài	24/07/2008		C51/1B1 đường 30/4, Khu vực 8, phường Xuân Khánh

*L*

**Phụ lục số 06: Danh sách trẻ em bị bỏ rơi đang nuôi dưỡng tại chùa Bửu Trì  
phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ**

STT	Họ và tên	Năm sinh	
		Nam	Nữ
1	Trần Phước Khánh	01/7/2009	
2	Trần Quế Anh		22/11/2008
3	Trần Phước Nguyên	13/5/2009	
4	Trần Ngân Giang	21/4/2009	
5	Trần Thụy Thoại Anh		10/01/2009
6	Trần Thụy Hải Đông		10/8/2008
7	Trần Thanh Xuân		05/02/2008
8	Trần Kim Thủy		01/10/2007
9	Trần Minh Kim		29/8/2007
10	Trần Như Thủy		01/12/2010
11	Trần Thảo Sương		15/3/2007
12	Trần Minh Trung	19/9/2017	
13	Trần Hoàng Duy	05/01/2014	
14	Trần Ngân Châu		07/02/2014

h

**Phụ lục số 07: Tổng hợp kinh phí thực hiện quyền trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em tại thành phố Cần Thơ**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung thực hiện	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023 (số dự toán)	Tổng số tiền
<b>I</b>	<b>Cấp thành phố</b>	<b>12.297.758.000</b>	<b>12.951.683.000</b>	<b>13.670.000.000</b>	<b>38.919.441.000</b>
1	Thăng hành động vì trẻ em, thực hiện công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em	291.758.000	396.086.000	735.000.000	1.422.844.000
2	Kinh phí tuyên truyền	92.000.000	79.700.000	200.000.000	371.700.000
3	Trung tâm công tác xã hội thành phố Cần Thơ	11.914.000.000	12.475.897.000	12.735.000.000	37.124.897.000
<b>II</b>	<b>Cấp quận, huyện</b>	<b>122.795.476.801</b>	<b>123.694.702.178</b>	<b>131.349.509.568</b>	<b>377.839.688.547</b>
1	<b>Chính sách giáo dục</b>	<b>880.421.800</b>	<b>3.551.326.000</b>	<b>5.529.840.000</b>	<b>9.961.587.800</b>
1.1	Miễn giảm học phí	235.666.800	1.091.434.000	2.161.100.000	3.488.200.800
1.2	Hỗ trợ chi phí học tập	295.300.000	1.528.100.000	2.121.400.000	3.944.800.000
1.3	Tiền ăn trưa trẻ em mẫu giáo	342.303.000	912.720.000	1.222.000.000	2.477.023.000
1.4	Hỗ trợ học sinh khuyết tật	7.152.000	19.072.000	25.340.000	51.564.000
2	<b>Chính sách y tế</b>	<b>111.960.785.001</b>	<b>108.324.866.178</b>	<b>114.646.469.568</b>	<b>334.932.120.747</b>
2.1	BHYT trẻ em dưới 6 tuổi	80.731.759.700	78.115.904.400	83.126.139.800	241.973.803.900
2.2	BHYT học sinh	31.229.025.301	30.208.961.778	31.520.329.768	92.958.316.847
3	<b>Chính sách đảm bảo xã hội (hỗ trợ trẻ em)</b>	<b>9.954.270.000</b>	<b>11.818.510.000</b>	<b>11.173.200.000</b>	<b>32.945.980.000</b>
	<b>Tổng cộng (I + II)</b>	<b>135.093.234.801</b>	<b>136.646.385.178</b>	<b>145.019.509.568</b>	<b>416.759.129.547</b>

h

**Phụ lục số 8: Danh sách trẻ em bị mồ côi đang chăm sóc nuôi dưỡng tại  
Cơ sở Bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt Thiên Ân**

TT	Họ và tên	Năm sinh		Đang học lớp
		Nam	Nữ	
1	Trần Thiên Lộc	12/09/2007		10
2	Đào Thiên Thanh		28/11/2007	10
3	Trần Thiên Phúc	01/01/2008		9
4	Trần Thiên Đức	10/08/2009		8
5	Đào Thiên Cát Tiên		24/08/2009	8
6	Trần Thiên Minh	13/10/2009		8
7	Trần Thiên Mẫn	01/01/2010		7
8	Trần Thiên Thuận	12/03/2010		7
9	Đào Thiên Phương Trang		24/03/2011	6
10	Đào Thiên Lan Phương		25/10/2012	5
11	Đào Thiên Thúy Vân		24/02/2012	5



h